

Song Hùng - Thúy Liên - Bích Ngọc - Kim Thành

Thực hành
Tiếng Anh

4
TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Song Hùng - Thúy Liên - Bích Ngọc - Kim Thanh

Thực hành
Tiếng Anh



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online
(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến,

Chúng tôi xin giới thiệu với các em quyển sách Thực hành Tiếng Anh 4 – Tập 2 để giúp các em học tốt sách giáo khoa Tiếng Anh 4 – Tập 2 theo Chương trình thí điểm Tiếng Anh tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2010.

Sách được biên soạn bám sát theo 10 đơn vị bài học và 2 bài ôn xoay quanh hai chủ điểm giao tiếp của sách giáo khoa: *Me and My Family* và *Me and The World Around*.

Mỗi đơn vị bài thực hành sẽ gồm có các phần:

Remember



Giải thích rõ và cung cấp lại kiến thức ngôn ngữ trọng tâm của một đơn vị bài học.

Lesson 1, Lesson 2, Lesson 3

downloadsachmienphi.com

Cung cấp các hoạt động thực hành giúp học sinh học tốt Lesson 1, Lesson 2, và Lesson 3 trong từng đơn vị bài học. Các hoạt động được biên soạn nhằm bổ sung cho sách giáo khoa, hỗ trợ tốt cho các em phát triển đều các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

Với cách trình bày sinh động, hợp lý và tranh minh họa phù hợp với lứa tuổi, sách sẽ giúp các em nắm vững tất cả những điểm quan trọng trong chương trình Tiếng Anh tiểu học.

Chúng tôi hi vọng quyển sách sẽ giúp các em đạt kết quả tốt trong việc học ngoại ngữ.

Các tác giả

Unit 11 MY DAILY ACTIVITIES

REMEMBER

Để hỏi bây giờ là mấy giờ, em nói **What time is it?**

Khi trả lời, em nói **It's THỜI ĐIỂM**.

Để nói thời điểm là giờ đúng, em nói **It's SỐ CHỈ GIỜ o'clock.**

Ví dụ: **It's seven o'clock.** (Đúng 7 giờ.)

Để nói thời điểm là giờ và phút, em nói số chỉ giờ trước, số chỉ phút sau.

Ví dụ: **It's seven fifteen.** (7 giờ 15 phút.)

Để hỏi thời điểm bạn làm một việc gì, em nói **What time do you TỪ CHỈ HÀNH ĐỘNG ?**

Khi trả lời, em nói **At THỜI ĐIỂM**.

Ví dụ: **What time do you have breakfast?**

At seven o'clock.



At seven fifteen.

downloadsachmienphi.com

Lesson 11

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

1 Vocabulary

Look at the clocks and write the time.



1. It's



2. It's



3. It's

2 Sentence Patterns

Unscramble the words. Then rearrange the sentences to make three short dialogues.

- a. time is it? What
- b. is it? What
- c. is your When birthday?
- d. a book. is It
- e. nine fifteen. It is
- f. July. in It is

3 Reading and Writing

Read and write Yes or No.



Hello, I'm Khoa. I'm nine years old. This is my brother. His name is Hung. He's ten years old. We study at Le Van Tam Primary School. Every day I get up at six thirty, and he gets up at six o'clock. Then we have breakfast at six forty and go to school at seven o'clock. My class starts at seven thirty in the morning and finishes at four in the afternoon. Hung's class starts at seven twenty in the morning and finishes at four fifteen in the afternoon. We often go to an English club on Saturday afternoons. We come back home and have dinner at seven thirty. I go to bed at nine, and my brother goes to bed at nine thirty. That's our day.

1. Hung is Khoa's brother. _____
2. Hung and Khoa study at the same school. _____
3. Hung's class finishes at four. _____
4. Khoa goes to English club every day. _____
5. Khoa goes to bed at nine thirty. _____

Lesson 2

1 Reading and Writing

Look at the pictures. Write the answers with NO MORE THAN TWO WORDS.

Conversation 1:



Joe: I'm so (1) What time is it?

Mum: It's (2) It's time for (3)

Conversation 2:

Mom: Get up! You are late for (4)

Joe: What time is it, Mom?

Mom: It's (5) Your class starts at (6)

- Oh, my god. It's late.

2 Listening

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

1. a. fifteen

- b. fifty

fifteen

2. a. thirteen

- b. thirty

3. a. fourteen

- b. forty

4. a. sixteen

- b. sixty

5. a. seventeen

- b. seventy

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

1. a. five fifteen

[Download Sach Hay | Đọc Sách Online](https://downloadsachmienphi.com)

- b. five fifty

2. a. twelve thirteen

- b. twelve thirty

3. a. It's one thirty five.

- b. It's one forty five.

- c. It's one fifty five.

4. a. He's very happy.

- b. She's very hungry.

- c. They're very thirsty.

5. a. Peter has dinner at six fourteen.

- b. Peter has dinner at six forty.

- c. Peter has dinner at six four.

Lesson 3

1 Listening

Listen and tick.

1. Linda has breakfast _____.

- a. at eight.
- b. at eight thirty.
- c. at eight thirteen.

2. Mai gets up _____.

- a. at five.
- b. at five ten.
- c. at five thirty.

3. Tom watches TV _____.

- a. at eight.
- b. at eight twenty.
- c. at nine thirty.



4. Tim goes to bed _____.

- a. at nine.
- b. at nine thirty.
- c. at ten.

5. Mai _____ at twelve forty-five.

- a. has lunch.
- b. watches TV.
- c. goes to school.



② Speaking

1. Look at the pictures. Listen and say your answers.



2. Listen again and write your answers.

- 1.
- 2.
- 3.

3. Talk about your daily activities.

- What time do you get up?
- What time do you have breakfast?
- What time do you go to school?
- What time do you watch TV?
- What time do you go to bed?

Unit 12

JOBS

REMEMBER

Để hỏi nghề nghiệp của một người nào đấy, em dùng mẫu câu **What's his/her job?** hoặc **What does he/she do?**

Để trả lời, em nói: **He's/ She's a/an DANH TỪ MIÊU TẢ NGHỀ NGHIỆP**.

Để hỏi nơi làm việc của một người nào đấy, em nói: **Where does he/she work?**

Để trả lời, em nói: **He/ She works in a/an DANH TỪ MIÊU TẢ NƠI LÀM VIỆC**.

Lưu ý:

- **a/an** được dùng trước từ bắt đầu với nguyên âm a, e, i, o hoặc u.

Một số danh từ miêu tả nghề nghiệp: **businessman, doctor, driver, engineer, farmer, housewife, pupil, student, teacher, worker**.

Một số danh từ miêu tả nơi làm việc: **bus company, company, factory, field, hospital, school.**

downloadsachmienphi.com



Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Lesson 1

1 Vocabulary

Match the words with the right pictures.



a



b



c



d

a taxi-driver

a businessman

a doctor

a farmer

1

2

3

4

2 Sentence Patterns

Choose the best response. Circle a, b, or c.

1. Who's that?

- a. It's Jackie's parrot. b. It's Jackie. c. She's a doctor.

2. What's her job?

- a. She's working. b. She's a worker. c. She's Mary Brown.

3. What's her father's job?

- a. He's a businessman.
b. He is a businesswoman.
c. He is a busy man.

3 Reading and Writing

Read and choose the best answer. Circle a, b or c.

Peter: Who's your grandfather in this photo?

Quan: Here. downloadsachmienphi.com

Peter: How old is he now?

Quan: He's seventy-eight. Downloadsachmienphi.com | Đọc Sách Online

Peter: And who's your mother, Quan?

Quan: This is my mother.

Peter: What's her job?

Quan: She's a nurse.

Peter: How about this man? Is this your father?

Quan: Yes, he is. He's a doctor.

Peter: Is it your Aunt Van?

Quan: Yes, she is. She's a teacher. Is she beautiful?

Peter: Yes. She's tall and beautiful.

1. Quan's grandfather is _____ years old.

- a. 78 b. 87 c. 97

2. Quan's parents are _____.

- a. doctor and nurse b. doctor c. doctors

3. Aunt Van is _____.

- a. a doctor b. a teacher c. a nurse

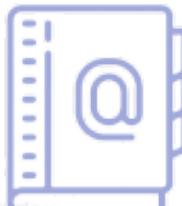
Lesson 2

1 Reading and Writing

Look at the pictures. Write the answers with NO MORE THAN TWO WORDS.

This is my  (1)

This is my  (2) He's fifty eight years old.

He's  (3) 
My grandmother is  (4) too.

This is my father. He's  (5) years old.

He's  (6) This is my  (7)

She's thirty three years old. She's  (8)

This is my sister. She's six years old. She's  (9) She's

in grade one. And this is me. I am  (10) years old.

2 Listening

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

1. a. driver

- b. river

driver

2. a. teacher

- b. school

3. a. dress

- b. rest

4. a. chicken

- b. christmas

5. a. dragon

- b. radio

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

1. a. get dressed

[Download Sach Hay | Đọc Sách Online](https://downloadsachmienphi.com)

- b. get a rest

2. a. two blue drums

- b. a long blue river

3. a. She's a teacher.

- b. She's got two children.

- c. She's at Richard Primary School.

4. a. They are drivers.

- b. They are drummers.

- c. They are dreamers.

5. a. He likes chatting with his friends.

- b. He likes Disney channel so much.

- c. He likes watching cartoons with his teacher.

Lesson 3

1 Listening

1. Listen and fill in each blank with NO MORE THAN THREE words.

FAMILY JOB SURVEY

Pupil's name	Father's job	Mother's job
Tim		
Tony		
Peter		

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Listen again and write the answers.

1. What grade is Tim in?

2. How old is Tony?

3. Are Peter's parents doctors?

2 Speaking

1. Look at the pictures. Listen and answer.



1.



2.



2. Listen again and write your answers.

1. _____
2. _____
3. _____

3. Talk about your father and mother.

- What is his job?
- What is her job?
- Where does he work?

...

Unit 13

FAVOURITE FOOD AND DRINK

REMEMBER

Để hỏi về món ăn yêu thích của bạn, em nói: **What's your favourite food?**

Khi trả lời, em nói tên món ăn em yêu thích như **bread, noodles, rice, fish, beef, pork...**

Để hỏi về thức uống yêu thích của bạn, em nói: **What's your favourite drink?**

Khi trả lời, em nói tên thức uống em yêu thích như **apple juice, mineral water, milk, tea...**

Để mời bạn dùng món ăn hay thức uống, em dùng mẫu câu:

Would you like some TÊN MÓN ĂN/ THỨC UỐNG ?

Nếu đồng ý, em nói: Yes, please.

Nếu không đồng ý, em nói: No, thanks.

Lưu ý:

- Khi không muốn nhắc lại câu hỏi đã nêu, em có thể nói **How about you? (Thế còn bạn thì sao?)**



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Lesson 1

1 Vocabulary

Look at the pictures and write the words.



1.



2.



3.



4.

2 Sentence Patterns

Unscramble the words. Then rearrange the sentences to make three short dialogues.

- | | | | | |
|-------------|---------|-----------|--------|-----------|
| a. your | food? | favourite | What | is |
| b. are | drinks? | What | your | favourite |
| c. What | your | is | juice? | favourite |
| d. juice. | Orange | | | |
| e. and | Rice | chicken. | | |
| f. Lemonade | mineral | water. | and | |

3 Reading and Writing

Read and complete the answers.



Tom: What's your favourite food, Linda?

Linda: I like beef and noodles.

Tom: How about you, Peter?

Peter: I like chicken and pork.

Tom: My favourite food is chicken.

What's your favourite drink, Linda?

Linda: I like orange juice.

Tom: How about you, Peter?

Peter: Uhm, I like milk.

Tom: I don't like milk. I just like lemonade.

1. Linda's favourite food is
2. Linda's favourite drink is
3. Peter's favourite food is
4. Peter's favourite drink is
5. Tom's favourite food is
6. Tom's favourite drink is

Lesson 2

1 Reading and Writing

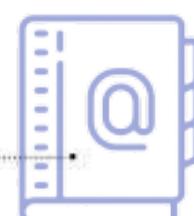
Look at the pictures. Write the answers with NO MORE THAN THREE WORDS.

Conversation 1:

Vy: What's your favourite food?

Tim:  (1) I love  (2) so much.

Vy: How about drink? What's your favourite drink?

Tim:  (3)   (5) ? That's great!

Conversation 2:

Waiter: What would you like to eat, Sir?

Mr Brown: I would like to eat  (6) , please.

Waiter: How about you, Madam?

Mrs Brown: I would like to eat  (7) , please.

Waiter: And what would you like to drink?

Mr Brown: We would like to drink  (8) and  (9)

2 Listening

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

1. a. fish b. fresh

fresh

2. a. wash b. rash

3. a. milk b. ilk

4. a. bulk b. tulk

5. a. push b. rush

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

1. a. fresh food b. fresh meat

2. a. wash your hand b. wash your fish

3. a. I like fish and beef.
b. I like fish and pork.

- c. I like fish and chicken.

4. a. I love milk and coffee.
b. I love milk and tea.

- c. I love milk and orange juice.

5. a. Don't push it.
b. Don't rush it.

- c. Don't wash it.

Lesson 3

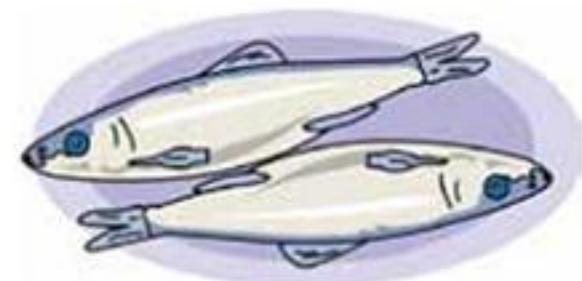
1 Listening

Listen and tick.

1. a. Water.

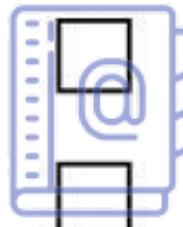


b. Fish.

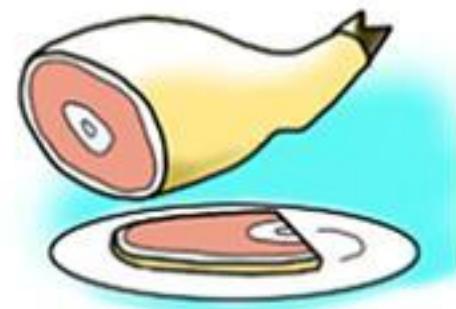


c. Water and fish.

2. a. Bread and beef.



b. Mineral water.



c. Apple juice.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

3. a. Orange juice.



b. Chicken.



c. Tea and coffee.

4. a. No, thanks.



b. No, it's wrong.

c. No, I don't.

5. a. Yes, please. I love milk.

b. Yes, please. I love tea.

c. Yes, please. I love beef.



2 Speaking

1. Look at the picture. Listen and say your answers.



2. Listen again and write down your answers.

1.

2.

3.

4.

3. Talk about your favourite food and drink.

- What is your favourite food?
- What is your favourite drink?
- What is your favourite juice?

...

Unit 14

MY MOTHER

REMEMBER

Để hỏi tính cách của mẹ bạn, em dùng mẫu câu **What's your mother like?**

Khi trả lời, em nói: **She's TỪ MIÊU TẢ**.

Để miêu tả vẻ bề ngoài của mẹ bạn, em nói: **She looks TỪ MIÊU TẢ**.

Lưu ý:

- Em có thể thay chủ từ **your mother** bằng các đại từ, danh từ (cụm danh từ).

Ví dụ: **What's your father like?**

What's your teacher like?

Một số từ miêu tả tính cách: careful, cheerful, friendly, funny, kind, lovely, nice.

Một số tính từ miêu tả vẻ bề ngoài: athletic, big, fit, old, pretty, short, slim, sporty, strong, tall, weak, young.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Lesson 1

1 Vocabulary

Look at the pictures and complete the words.



1. l_____y

2. fr_____y

3. k____d

4. n____e

2 Sentence Patterns

Choose the best response. Circle a, b, or c.

1. What's she like?
 a. She likes milk. b. She's nice. c. She likes to be nice.
2. What's Mrs. Hien like?
 a. She likes orange juice and chicken.
 b. She likes reading. c. She's very nice and kind.
3. What's your grandmother like?
 a. She's a doctor.
 b. She's very cheerful. c. She's seventy eight years old.

3 Reading and Writing

Read and choose the best answer. Circle a, b or c.

Miss Hien: Today, you'll talk about your mother. What's your mother like?

Quan: Uhm, my mother is very nice. She never shouts at me.

Peter: My mother is very cheerful. She likes joking.

Lan: My mother is lovely. She's a queen in my heart.

Miss Hien: How about your mother, Nam? Say something about her.

Nam: My mother is very sporty. She's an athlete. She can run 20 kilometers a day.

Class: Wow!

Miss Hien: Your mother is so great, Nam.

1. Quan's mother is _____.

- a. very nice b. very cheerful c. very lovely

2. Lan's mother is _____.

- a. very sporty b. very cheerful c. very lovely

3. The pupils are talking about _____.

- a. their mothers b. their teacher c. their friends

Lesson 2

1 Reading and Writing

Look at the pictures and complete the words.

Hello, my name's Van and these are my favourite teachers.

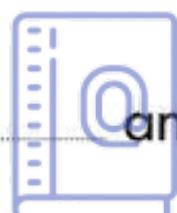


(1) n.....

This is Miss Hien. She's very



(2) t.....



and (3) s.....

She's (2) t..... and (3) s.....



downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

(4) E.....



(5) M.....

She is a teacher of (4) E..... Her English is wonderful.

And this is Miss Hoa. She is our teacher of (5) M.....

She's (6) f..... She is also (7) c.....



We all love her so much.

2 Listening

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

1. a. pretty

- b. Petty

Petty

2. a. friendly

- b. funny

3. a. primary

- b. pottery

4. a. Friday

- b. fancy

5. a. from

- b. form

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

1. a. a pretty girl



- b. Petty Burr

2. a. friendly games



- b. funny cane

3. a. I'm a pupil at Sao Mai Primary School.

- b. She works in Sao Mai Pottery Company.

- c. We learn pottery at primary school.

4. a. I'm busy on Friday.

- b. It is fancy today.

- c. We've got a fancy day.

5. a. Where are you from?

- b. Are you from Canada?

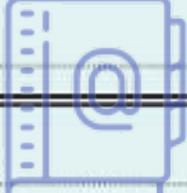
- c. What form do you like?

Lesson 3

1 Listening

1. Listen and fill in each blank with NO MORE THAN THREE words.

VY'S FAMILY

FAMILY MEMBER	PERSONAL CHARACTERISTICS	PHYSICAL APPEARANCE
Father
Mother
Vy	

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Listen again and write the answers.

1. What's Vy like?

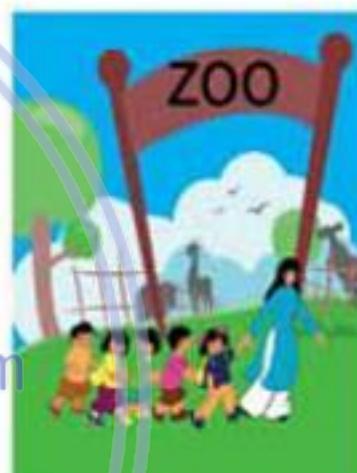
2. What's Vy's father like?

3. What's Vy's mother like?

4. Who is shorter than Vy's father?

② Speaking

1. Look at the pictures. Listen and answer.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Listen again and write your answers.

1.

2.

3.

3. Talk about your family.

- What is your father like?
- What is your mother like?
- What does your father like?
- How many people are there in your family? Who are they?
- ...

Unit 15

FESTIVALS

REMEMBER

Để hỏi thông tin về một lễ hội nào đó, em nói: **What is TÊN LỄ HỘI ?**

Để trả lời, em nói: It's a **TỪ MIêu TẢ LỄ HỘI** festival.

hoặc It's a festival for **TÊN ĐỐI TƯỢNG CỦA LỄ HỘI**.

Ví dụ: It's a big festival. It's a festival for children.

Để hỏi những dự định bạn sẽ làm, em nói: **What are you going to do?**

Khi trả lời, em nói I am going to **TỪ CHỈ HÀNH ĐỘNG**.

Ví dụ: I am going to visit my family.

Tên một số lễ hội: Tet, Christmas, New Year, Mid-Autumn Festival, Children's Day.

Một số hoạt động liên quan đến lễ hội: go to Tet markets, visit, get lucky money, wear new clothes, decorate our home, eat nice food, watch the fireworks display, ...

Lưu ý:

- I am going to
- We/ You/ They are going to
- He/ She/ It is going to



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

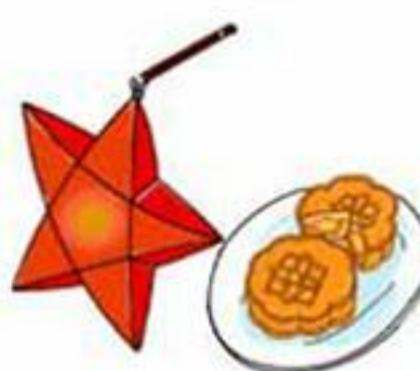
Lesson 1

1 Vocabulary

Look at the pictures and write the names of the festivals.



Happy New Year



1.

2.

3.

4.

2 Sentence Patterns

Unscramble the words. Then rearrange the sentences to make three short dialogues.

- a. Christmas? What is
- b. What Tet? is
- c. What Children's Day? is
- d. children. festival for It's a
- e. It's festival important an in Viet Nam.
- f. festival It's a big in December.

3 Reading and Writing

Read and write Yes or No.



Mid-Autumn Festival is a popular family holiday in many countries. In Viet Nam, it is also a festival for children. There are so many wonderful things for them. They can watch their favourite lion-head dance. They can eat delicious moon cakes. They can play games with friends. They can get some presents. They can join a school or street lantern parade. Every child has got a lantern. The favourite lanterns are star lanterns. Children are very happy. Their parents are happy, too.

1. In Viet Nam, Mid-Autumn Festival is for children.
2. Their mothers watch the lion-head dance.
3. Children watch a cartoon on TV.
4. Children like star lanterns.
5. The parents are tired and sad in the festival.

Lesson 2

1 Reading and Writing

Look at the pictures. Write the answers with NO MORE THAN THREE WORDS.

Conversation 1:

Lan: What is this tree, Tom?



Tom: It's a (1)

Lan: What's Christmas, Tom?



Tom: Oh. It's a big festival on the (2)



You can see Santa Claus with a big bag of (3)

for children. You may get one.

Lan: That's great.

Conversation 2:

Tom: What festival is it, Mai?



Mai: It's Children's Day. It's a festival for (4)

There's a lot of fun. We play games, sing songs and get presents.



Tom: Is this (5) for me?

Mai: I don't know. We get presents at the end of the festival.

2 Listening

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

1. a. festival

- b. factory

festival

2. a. fish

- b. food

3. a. Tet

- b. tent

4. a. two

- b. ten

5. a. tan

- b. fan

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

1. a. a big festival

- b. a new factory

2. a. favourite fish

- b. fantastic food

3. a. I like Tet.

- b. I like a tent.

- c. I like ten tents.

4. a. There are two festivals this week.

- b. There are ten festivals this week.

- c. There are twenty-two festivals this week.

5. a. She's got a tan.

- b. She's got a fan.

- c. She's a fan.

Lesson 3

1 Listening

Listen and tick.

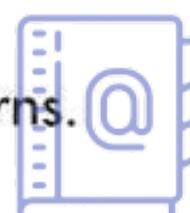
1. a. It's a big festival.



b. It's a big tree.

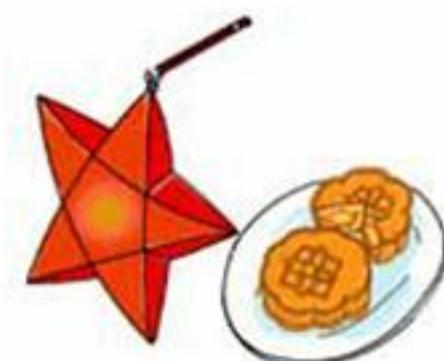
c. It's a big boy.

2. a. I'm going to make lanterns.



b. She's going to make lanterns.

c. He's going to make lanterns.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

3. a. Tet is coming.

b. She is coming.

c. She is combing her hair.

Happy New Year



4. a. They are going to make lanterns.

b. They are going to go to Tet market.

c. They are going to get some presents.



5. a. I'm joining a parade.
- b. I'm visiting my teacher.
- c. I'm wearing new clothes.

② Speaking

1. Look at the pictures. Listen and answer.

TET PLAN

Mai:



Nam:



Quan:



2. Listen again and write your answers.

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.

Review 3

Writing

1 Look and write

Match the words or phrases with the right pictures. Then say it aloud.

0. nine fifty five. _____



1. sporty



2. noodles



3. a driver



4. have breakfast



5. Mid-Autumn Festival



2 Rearrange and match

Rearrange the given words and write them on the line.

Then match the sentences with the right pictures.

1. kind My teacher is very.



2. does Mai What time go to bed?



3. orange juice drink favourite My is .



4. Mrs. Lan a is housewife.



Reading

1 Read and correct

Underline the mistakes in the following sentences. Then correct the mistakes. There's one mistake in each sentence.

Example:

0. How you are? ⇒ _____ are you

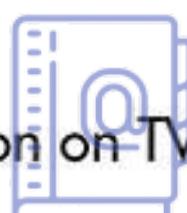
1. When time do you get up? ⇒ _____

2. What's he job? ⇒ _____

3. Would you like a noodles? ⇒ _____

4. She look fit and strong. ⇒ _____

5. He am going to see a cartoon on TV. ⇒ _____



2 Look, read and correct

Look at the picture carefully. There are THREE mistakes in the text. Find and correct them.

Hello, I'm Quan. I am having Tet holiday. Tet is a very big festival in my country. My family and I am going to visit my relatives, my teacher and friend. I am going to Tet market with my mother. We are all going to wear new clothes. My sister and I are going to get some lucky money. There's a lot of fun things to do. I love Tet so much.



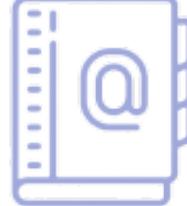
Listening

- 1 The following conversations are not in the right order.
Listen carefully and arrange them as what you hear.

Conversation 1:

- a. At eight.
- b. At six fifteen.
- c. And what time do you go to school?
- d. What time do you get up, Peter?

Conversation 2:

- a. What does she like? 
- b. What's your mother like?
- c. She's pretty and friendly.
- d. She likes music and banh chung.

Speaking

Look at the pictures. Complete the following conversations and then read them aloud.

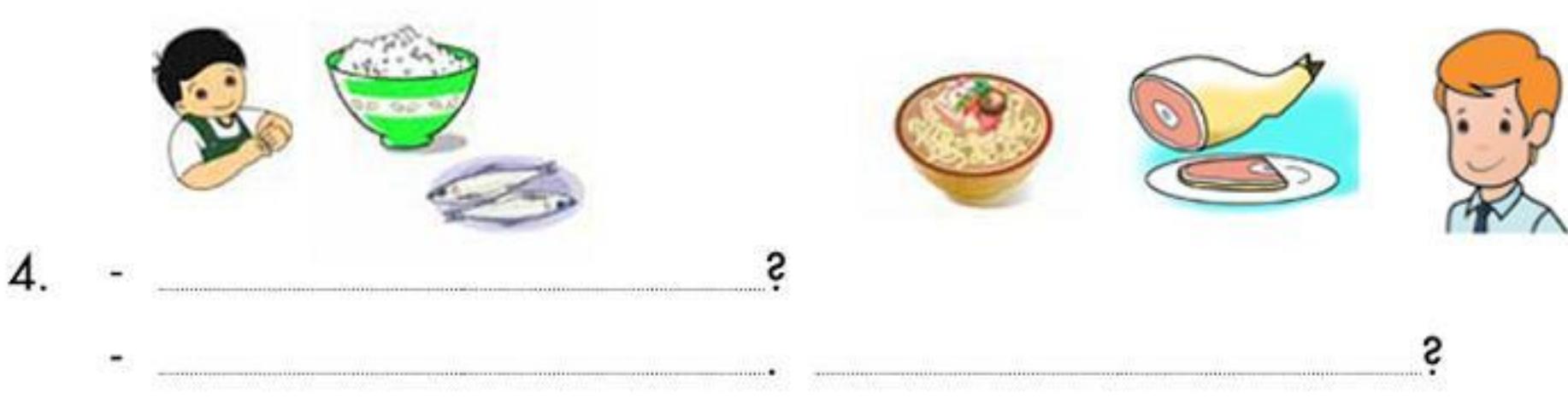


1. - What's your mother's job?
 - She's a What about your mother?

2. -
 - What about your father?



3. - What's your favourite food?
 - How about you?
 - Do you like lemonade?
 - I like



4. - ?
 - ?

Unit 16

ZOO ANIMALS

REMEMBER

Để hỏi kia là con vật gì, em nói: What animal is that?

Khi trả lời, em nói: It's **TÊN CON VẬT**.

Để nói lí do em thích con vật nào đó, em dùng mẫu câu:

I like **TÊN CON VẬT** because **LÝ DO**.

Để nói lí do em không thích con vật nào đó, em dùng mẫu câu:

I don't like **TÊN CON VẬT** because **LÝ DO**.

Khi trả lời cho câu hỏi về lí do với từ Why, em nói Because **LÝ DO**.

Ví dụ: Why do you like monkeys? – Because they are funny.

Tên một số con vật: tiger, giraffe, elephant, monkey, crocodile, bear.

Một số tính từ miêu tả con vật: pretty, scary, funny, bulky.



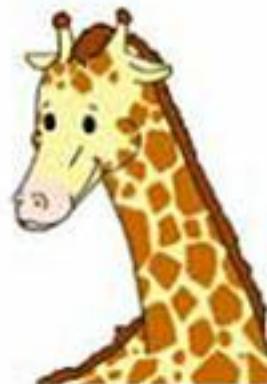
downloadsachmienphi.com

Lesson 1

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

① Vocabulary

Look at the pictures and write the animals.



1. _____

2. _____

3. _____

4. _____

2 Sentence Patterns

Choose the best response. Circle a, b, or c.

1. What animal is that?
 a. It's a lion. b. That is an animal. c. I like that lion.
2. Is that a bear?
 a. Yes, it is. b. It's a bear. c. That is a bear.
3. What animal is this?
 a. This is an elephant. b. It's an elephant. c. That is an elephant.
4. Is this a giraffe?
 a. No, it isn't. b. It's a crocodile. c. It's a giraffe, dear.

3 Reading and Writing

Read and choose the best answer. Circle a, b, or c.



- Peter: Is that a monkey? downloadsachmienphi.com
 Tom: No, it isn't.
 Peter: What animal is that? [Download Sách Hay | Đọc Sách Online](https://DownloadSachHay.com)
 Tom: It's an ape.
 Peter: An ape?
 Tom: Yes. It hasn't got a tail.
 Peter: Oh. I see. Do you like apes?
 Tom: Yes, I do. You know, apes are very smart.

1. The animal is _____.

- a. a monkey b. an ape c. a tail

2. The animal hasn't got _____.

- a. a tail b. a nail c. a mail

3. The animal is _____.

- a. smart b. funny c. stupid

Lesson 2

1 Reading and Writing

Look at the pictures. Write the answers with NO MORE THAN FOUR WORDS.

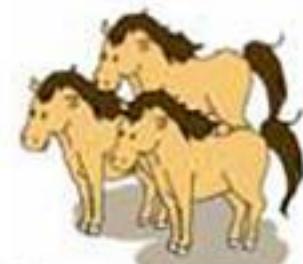
ZEBRAS

Zebras are very



(1)

. They look like



(2) but they have got stripes. They like



(3)

grass or leaves. They run very fast. Zebras can stand



on



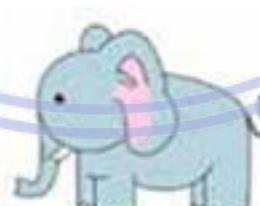
(4)

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

ELEPHANTS

Elephants are very strong and



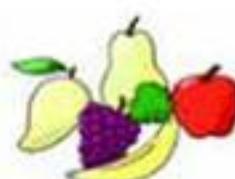
(5)

. They look slow



(6)

but they are very smart. They can dance, they can



or play ball with other elephants. Elephants like eating



(7)

and vegetable. Their

(8)

are very

big and long.

2 Listening

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

1. a. look

- b. hook

look

2. a. let

- b. net

3. a. likes

- b. nice

4. a. monkey

- b. lucky

5. a. honey

- b. funny

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

1. a. good-looking

- b. hook knitting

2. a. play a let

- b. make a net

3. a. She likes giraffes.

- b. Her giraffe is nice.

- c. Giraffes like nice leaves.

4. a. Monkeys are funny.

- b. These monkeys are lucky.

- c. These funny monkeys are happy.

5. a. Does this bear like honey?

- b. Is this bear funny?

- c. Is this funny bear lucky?

Lesson 3

1 Listening

1. Listen and fill in each blank with NO MORE THAN THREE words.

FAVOURITE ANIMALS

	Tigers		Giraffes	
	Likes	Doesn't like	Likes	Doesn't like
Nam				
Tom				
Mary				

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Listen again and complete the sentences.

1. Nam tigers because

2. Tom tigers because

3. Mary giraffes because

4. Nam giraffes because

2 Speaking

1. Look at the pictures. Listen and answer.

1.



2.



3.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



2. Listen again and write your answers.

1.

2.

3.

3. Talk about your favourite animals.

- Do you like tigers? Why?
- Do you like lions? Why?
- Do you like monkeys? Why?
- What are your favourite zoo animals?

Unit 17

MY AREA

REMEMBER

Khi muốn rủ bạn cùng đi đến nơi nào đó, em nói: Let's go to the **TÊN NƠI CHỐN**.

Để đáp lại, nếu tham gia, em tán thưởng: Great!/ Great idea.

Nếu không tham gia vì bận rộn, em nói: Sorry, I'm busy.

Để hỏi lí do bạn muốn đến một nơi nào đó, em nói:

Why do you want to go to the **TÊN NƠI CHỐN**?

Để trả lời, em nói: Because I want some **TÊN MÓN ĐỒ EM CẦN**.

Ví dụ: Why do you want to go to the post office?

Because I want some stamps.

Tên một số nơi chốn: bakery, bookshop, cinema, food stall, post office, pharmacy, sweets shop, supermarket.



Lưu ý:

- I/ We/ You/ They want... • He/ She/ It wants...

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

Lesson 1

1 Vocabulary

Look at the pictures and write the places.



1.

2.

3.

4.

2 Sentence Patterns

Unscramble the words. Then rearrange the sentences to make three short dialogues.

- | | | | |
|-----------------|--------|--------|--------------|
| a. busy. | Sorry, | am | I |
| b. bookshop. | go to | the | Let's |
| c. Let's | the | go to | supermarket. |
| d. post office. | Let's | the | go to |
| e. I | some | books. | want |
| f. food. | some | I | want |

3 Reading and Writing

Read and tick.



Mary is new in the area. Mai is helping her do some shopping. Mary wants so many things and here is her shopping list. First, she wants some food and fruit. Second, she wants some stamps and books. Third, she wants some sweets and bread. Finally, she wants some clothes and a nice doll.

Where are Mai and Mary going to?

1. Bakery

2. Bookshop

3. Food stall

4. Pharmacy

5. Post office

6. Toys shop

7. Sweets shop

8. Supermarket

9. Clothes shop



Lesson 2

1 Reading and Writing

Look at the pictures. Write the answers with NO MORE THAN THREE WORDS.

Conversation 1:

Mai: Are you free, Tom?

Tom: Yes, I am.

Mai: Let's go to the  (1) I want some  (2)

Tom: OK. Let's go.

Conversation 2:

Mary: You look  (3) , Quan.

Quan: Yes, I am. downloadsachmienphi.com
[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

Mary: Are you free now? _____

Quan: Yes, I am.  (4)

Mary: So, let's go to the  (4) There's a very good movie.

Quan: Great idea! Let's go.

Conversation 3:

Linda: I want some  (5) Let's go to the 

(6)

Tom: Sorry. I'm busy.

2 Listening

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

1. a. stamps

- b. lamps

lamps

2. a. trucks

- b. tusks

3. a. shops

- b. tops

4. a. books

- b. hooks

5. a. caps

- b. maps

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

1. a. some stamps

- b. some lamps

2. a. many trucks

- b. many tusks

3. a. She goes to many shops.

- b. She wants many tops.

- c. She gets some tops at some shops.

4. a. They want some books.

- b. He wants some hooks.

- c. I don't want books or hooks.

5. a. We go to the shop to get some caps.

- b. We go to the shop to get some maps.

- c. There are no caps but there are some maps.

Lesson 3

1 Listening

Listen and tick.

1. a. Because I want some maps.

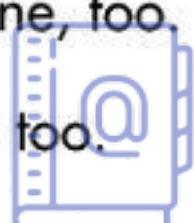
b. Because I want some caps.

c. Because I want some cats.

2. a. Great. I want some stamps, too.

b. Great. I want some medicine, too.

c. Great. I want some bread, too.



3. a. Because I want some chocolate.

b. Because she wants some toys.

c. Because they want some fried chicken.

4. a. Great. I really like that film.

b. Sorry. I'm very busy.

c. Yes, you are right.

5. a. Because my mother wants some fruit.

b. Because my mother is a teacher.

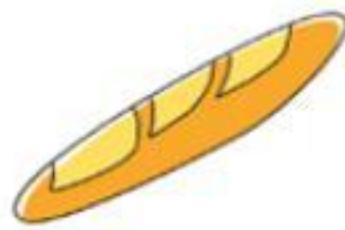
c. Because my mother loves rabbits.

2 Speaking

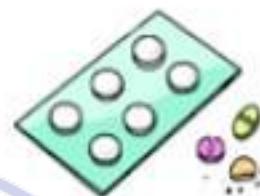
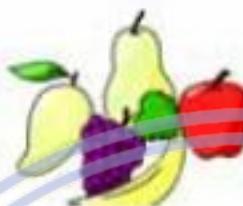
1. Look at the pictures. Listen and answer.

SHOPPING LIST

Mai:



Nam & Linda:



Quan:



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Listen again and write your answers.

1.

2.

3.

4.

3. Talk about your shopping list.

- Why do you want to go to the bakery?
- Why do you want to go to the bookshop?
- Why do you want to go to the supermarket?

...

Unit 18

MY CLOTHES

REMEMBER

Để hỏi một người thứ ba đang mặc trang phục gì, em nói: **What's she/ he wearing?**

Khi trả lời, em nói: **She's/ He's wearing TRANG PHỤC**.

Để hỏi giá của trang phục, em dùng mẫu câu: **How much is/ are the ... TRANG PHỤC ?**

Khi trả lời, em nói: **It's/ They're GIÁ TIỀN**.

Lưu ý:

- **Which one?** được dùng để hỏi sự lựa chọn trong số người hoặc vật đã biết.
- **Can I have a look?** được dùng để xin phép xem món hàng cần chọn.
Nếu đồng ý, em đáp lại: Sure 
- **Here you are** được dùng để thông báo trao đồ vật.
Để đáp lại, em nói: **Thank you.**

Tên một số trang phục: a dress, a blouse, a shirt, a T-shirt, a skirt, jeans, trousers, shoes, sandals...

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Lesson 1

① Vocabulary

Match the pictures with the correct words.



a



b



c



d

T-shirt

1

shoes

2

shirt

3

trousers

4

2 Sentence Patterns

Choose the best response. Circle a, b, or c.

1. What's he wearing?
 a. She's wearing a skirt.
 b. He's wearing a shirt. c. They are wearing a shirt.

2. What are you wearing?
 a. I am wearing a black shoe.
 b. I am weak. c. I am wearing black shoes.

3. What's she wearing?
 a. She's wearing a white skirt.
 b. She likes wearing white skirts. c. She's going to the skirt shop.

3 Reading and Writing

Read and write Yes or No.

downloadsachmienphi.com

Nam: Wow. It's a big festival.

Linda: Yes, it is. There are so many people around here.

Nam: Linda, where are Peter and Daisy?

Linda: I don't know. Let's look for them. What are they wearing?

Nam: I don't remember. Uhm ... Daisy is wearing a yellow skirt and ... a blue T-shirt.

Linda: Me, too. I'm wearing blue T-shirt and a yellow skirt.

Nam: Oh, yes. That's funny. And Peter is wearing a... red T-shirt and blue jeans.

Linda: OK. Let's go and find them.

1. Nam and Linda are at a big festival.
2. Nam is wearing a red T-shirt and blue jeans.
3. Linda is wearing a yellow shirt and a pink skirt.
4. Peter is wearing a funny shirt.
5. Nam and Linda can find Peter and Daisy.

Lesson 2

1 Reading and Writing

Look at the pictures. Write the answers with NO MORE THAN THREE WORDS.

It's Tet holiday. Mai and her friends are visiting their teacher, Miss Hien.

They all look happy in their new clothes. Mai is wearing  (1)

Lan is wearing



Nam is wearing



. Quan is wearing  (6)



and  (7) . They are all wearing  (8) .

2 Listening

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

1. a. jeans

- b. means

jeans

2. a. meat

- b. neat

3. a. green

- b. keen

4. a. bean

- b. clean

5. a. tea

- b. see

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

1. a. a pair of jeans

- b. means of travelling

2. a. good meat

- b. neat room

3. a. The jeans are green.

- b. The trousers are green.

- c. The shoes are green.

4. a. I like some beans.

- b. The beans are clean.

- c. I clean the bean.

5. a. Would you like some tea?

- b. Would you like to see this shirt?

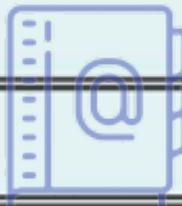
- c. See the tea in the sea.

Lesson 3

1 Listening

1. Listen and fill in each blank with NO MORE THAN THREE words.

SHOPPING

	ITEM (What?)	PRICE (How much?)
1. Tom		
2. Mary		
3. Tony		

downloadsachmienphi.com
 Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Listen again and write the answers.

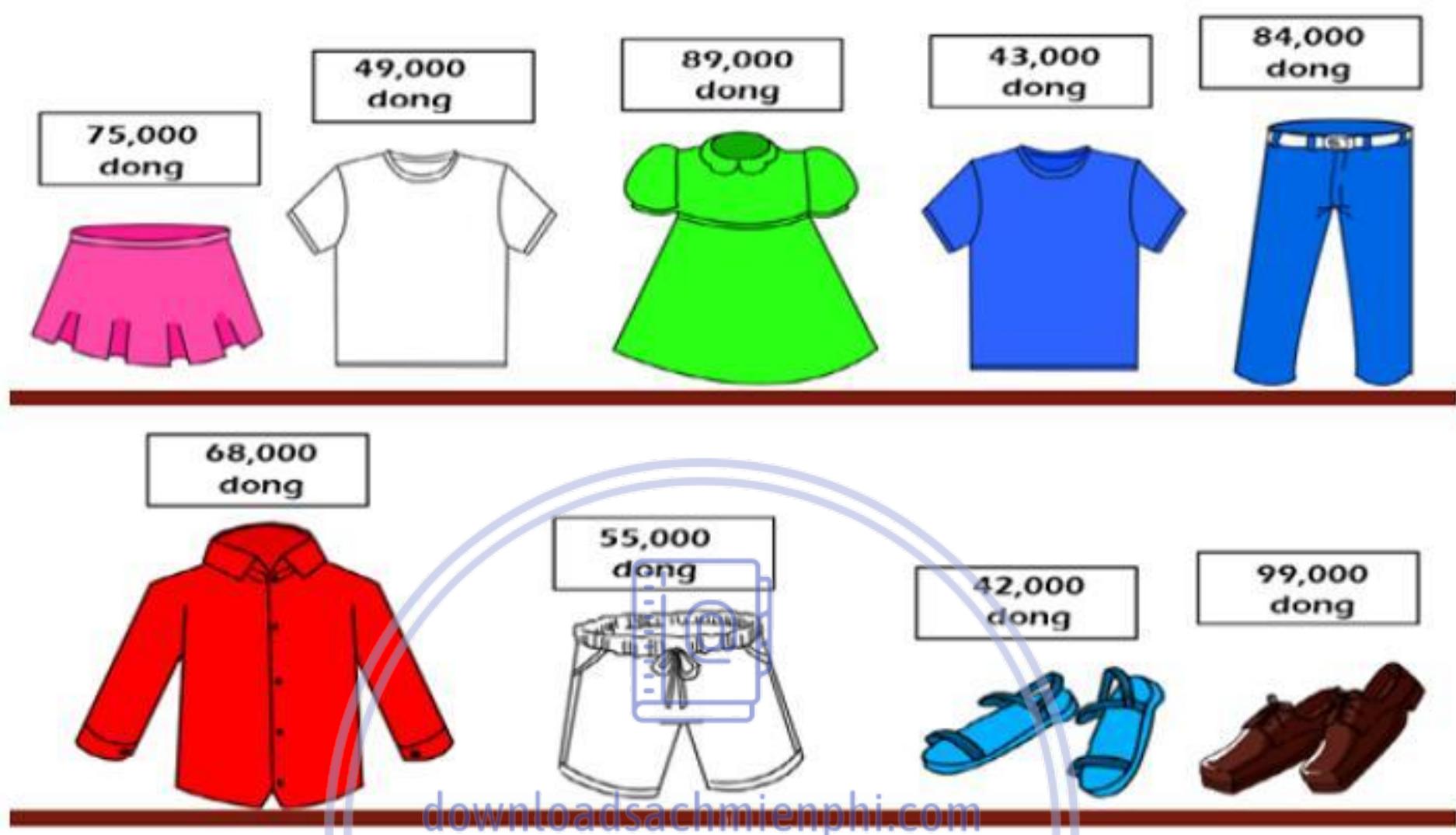
1. What colour is Tom's item?

2. What colour is Mary's item?

3. What colour is Tony's item?

2 Speaking

1. Look at the pictures. Listen and answer.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Listen again and write your answers.

- 1.
- 2.
- 3.

3. Talk about your clothes.

- What are you wearing?
- How much is your shirt/ T-shirt?
- How much are your trousers/ jeans/ shorts?
- How much are your shoes/ sandals?
- ...

Unit 19

A PICNIC

REMEMBER

Để hỏi một người nào đó dự định sẽ làm gì, em nói: **What is she/ he going to do?**

Khi trả lời, em nói: **She's/ He's going to TỪ CHỈ HOẠT ĐỘNG**.

Để hỏi bạn thích hoạt động nào hơn, em nói:

Which do you prefer, TỪ CHỈ HOẠT ĐỘNG 1 or TỪ CHỈ HOẠT ĐỘNG 2 ?

Để trả lời, em nói **I prefer HOẠT ĐỘNG EM YÊU THÍCH**.

Ví dụ: **Which do you prefer, tennis or badminton?**

I prefer badminton.

Một số cụm từ miêu tả hoạt động:

take a raincoat/a camera/an umbrella/ some photographs/ some fruit/ some drinks/ some food.



buy some fruit/ some sausages/ some hamburgers/ some bread/ some sweets

play chess/football/some games/ some sports.

Tên một số hoạt động thể thao: **football, volleyball, badminton, table tennis, singing, dancing, fishing, swimming.**

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Lesson 1

1 Vocabulary

Look at the pictures and write the words.



1.



2.



3.



4.

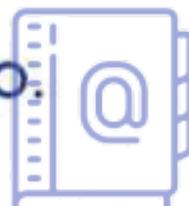
2 Sentence Patterns

Unscramble the words and rearrange the sentences to make three short dialogues.

- | | | | |
|-------------|----------|----------|-------------|
| a. he | What's | do? | going to |
| b. going to | she | What's | buy? |
| c. do? | going to | she | What's |
| d. She's | take | going to | a raincoat. |
| e. buy | going to | She's | some bread. |
| f. take | a ball | going to | He's. |

3 Reading and Writing

Read and write Yes or No.



Mary and her friends are going to Dam Sen park this weekend. Here is their plan. Mary and Van are going to buy some bananas, some apples, some sausages, some hamburgers and a big bottle of water. Mai is going to take some raincoats and an umbrella. Nam and Quan are going to take a ball and two pairs of badminton rackets. Tom and Peter are going to take a radio. And Linda is going to buy some sweets. Wow, they are going to have lots of fun this weekend.

1. Mary and Van are going to buy some food and fruit.
2. Mary and her friends are going to play chess.
3. They are going to watch TV in the park.
4. Linda is going to the sweets shop.
5. They are going to have happy time in the park.

Lesson 2

1 Reading and Writing

Look at the pictures. Write the answers with NO MORE THAN THREE WORDS.

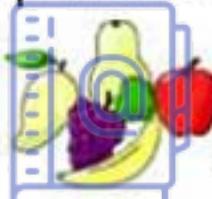
1. Mai: What are you going to do this weekend, Tom?



Tom: I'm going to (1) _____.

Mai: Me, too. Let's play together.

2. Linda: We are going to have a picnic this Sunday. What are you going to do, Mary?



Mary: Oh, I'm going to buy (2) _____.

Linda: What about Peter? downloadsachmienphi.com



Mary: He's going to take (3) _____ Online and



(4) _____.

Linda: That's a great idea.

3. Nam: Where are we going to have picnic, Tony?

Tony: (5) _____.



Nam: What are we going to do?

Tony: We are going to (6) _____.



Nam: OK.

2 Listening

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

1. a. what

- b. which

what

2. a. water

- b. woman

3. a. why

- b. white

4. a. we

- b. want

5. a. when

- b. whale

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

1. a. what or which

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

- b. what or where

2. a. mineral water

- b. a weak woman

3. a. Why do you like white colour?

- b. Why does she prefer white coffee?

- c. Why does he buy that white shirt?

4. a. We want to take some water.

- b. We want to buy some sweets.

- c. We want to go swimming.

5. a. When are you going to swim with a whale?

- b. When is a whale going to dance?

- c. When are they going to swing a whale?

Lesson 3

1 Listening

Listen and tick the box.

1. a. I prefer basketball.

b. I prefer baseball.

c. I prefer volleyball.

2. a. I prefer singing.

b. I prefer swimming.

c. I prefer skiing.



3. a. I prefer flying a [kite](https://downloadsachmienphi.com).

b. I prefer swimming [download Sách Hay | Đọc Sách Online](https://download Sach Hay | Đọc Sach Online)

c. I prefer riding a bike.

4. a. She prefers Washington.

b. She prefers badminton.

c. She prefers hide - and - seek.

5. a. I prefer having a picnic this Sunday.

b. We are going to have a picnic this Sunday.

c. Because we can play sports and have lunch together.

2 Speaking

1. Look at the pictures. Listen and answer.

Tom:



Mary:



English

Mai & Tony:



downloadsachmienphi.com

Quan:



Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Listen again and write your answers.

1.

2.

3.

4.

3. Talk about your picnic plan.

- What are you going to do?
- What are you going to buy?
- What do you prefer?

Unit 20

TRAVELLING

REMEMBER

Để hỏi bạn đã đi đến đâu, em nói: Where did you go?

Khi trả lời, em nói: I went to **TÊN NƠI CHỐN**.

Để hỏi bạn đã trở về từ... vào lúc nào, em nói:

When did you come back from **TÊN NƠI CHỐN** ?

Khi trả lời, em nói: I came back **THỜI GIAN**.

Lưu ý:

- Các mẫu câu này được dùng để hỏi những sự việc đã diễn ra trong quá khứ.
- Các mẫu câu này được dùng với tất cả chủ từ: I/ You/ He/ She...

Để hỏi chuyến đi như thế nào, em nói: What was the trip like?

Khi trả lời, em nói: (It was) **TÍNH TỪ MIÊU TẢ**.

Một số cụm từ miêu tả thời gian trong quá khứ: yesterday, last week, last month, last year.

Một số tính từ miêu tả chuyến **trip**: fantastic, wonderful, great.

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

Lesson 1

1 Vocabulary

Match the pictures with the right words.



a



b



c



d

Hue
Imperial City

1

Ha Noi City

2

Ha Long Bay

3

Ben Thanh
Market

4

2 Sentence Patterns

Choose the best response. Circle a, b, or c.

1. Where did you go?

- a. I went to Sa Pa. b. I go to Sa Pa. c. I am going to Sa Pa.

2. Where did she go?

- a. She go to Phan Thiet city.
b. She goes to Phan Thiet city. c. She went to Phan Thiet city.

3. I am going to visit Phong Nha caves. What about you?

- a. I am going to Phu Quoc Island.
b. I went to Phu Quoc Island. c. I go to Phu Quoc Island.

3 Reading and Writing

Read and answer the questions.

Tom: Where did you go last week, Mai?

Mai: I went to Nha Trang city and Da Lat city.

Tom: Did you take any photos? [Hay | Đọc Sách Online](#)

Mai: Yes, of course. These are the photos of my trip.

Tom: Wow, so beautiful. This photo is so funny.

Mai: Hihi. I was so hungry at that time. What about your trip, Tom?

Tom: I went to Mekong Delta. I went fishing and swimming in the river.

Mai: It was fantastic, Tom.

1. Where did Mai go?

2. When did Mai go?

3. Where did Tom go?

4. What did Tom do on his trip?

Lesson 2

1 Reading and Writing

Look at the pictures. Write the answers with NO MORE THAN THREE WORDS.



(1) _____ is an excellent pupil. She just had a world

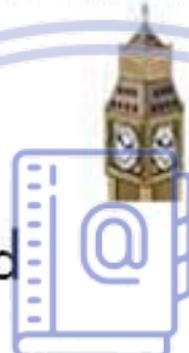
tour with other

19

(2)

excellent pupils in the world. First,

they went to London and visited



(3)

. That was

a really big clock by Thames river. Second, they went to New York and

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](http://downloadsachmienphi.com)

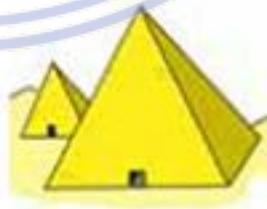
visited The Statue of



(4)

. It was very beautiful.

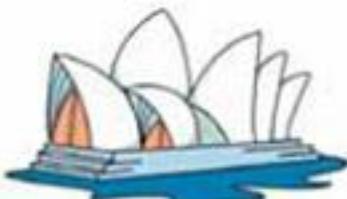
Third, they went to Egypt and visited



(5)

of Giza.

The pyramid was very impressive. Finally, they went to Sydney and visited the



(6)

. It was so charming at night. Linda had a

great tour. She loves the tour so much.

2 Listening

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

1. a. bay b. day

day

2. a. song b. along

3. a. holiday b. Wednesday

4. a. strong b. wrong

5. a. Sunday b. Monday

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

1. a. a beautiful bay b. a wonderful day

2. a. sing a song b. cruise a long

3. a. I had a great holiday.
b. We had a great Wednesday.

- c. We had a holiday on Wednesday.

4. a. You are so strong.
b. You are not wrong.

- c. Being strong is not wrong.

5. a. Where did you go last Sunday?
b. Where did you go last Monday?

- c. Where did Mr. Monday go last Sunday?

Lesson 3

1 Listening

Listen and fill in each blank with NO MORE THAN THREE words.

MY TRIP

	Where?	When?
1. Quan
2. Phong
3. Mary

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Listen again and write the answers.

1. What was Quan's trip like?

2. What was Phong's trip like?

3. What was Mary's trip like?

2 Speaking

1. Look at the pictures. Listen and answer.



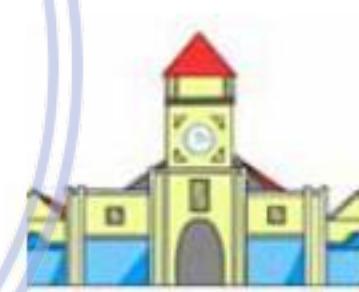
Mai – London – last Monday – fantastic



Nam – Sydney - last week – wonderful



Linda – Ha Long Bay – last month – lovely



Tom – Ben Thanh Market – yesterday – busy

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Listen again and write your answers.

1.

2.

3.

4.

5.

6.

7.

8.

3. Talk about your great trip.

- Where did you go?
- When did you come back?
- What was the trip like?
- Who did you go with?

Review 4

Writing

1 Look and write

Write the correct word/ phrase in each blank.

0.  monkey
1. 
2. 
3. 
4. 
5. 

cinema
trousers
monkey
giraffe
Ha Long Bay
buy a hamburger

2 Rearrange and match.

Rearrange the given words and write them on the line.

Then match them with the right pictures.

1. wearing a a is and Mai skirt green yellow T-shirt .

a.



2. Which going fishing or riding a bike you prefer do?

b.



3. go the bookshop Let's to.

c.



4. stand Elephants can a ball on four legs with.

d.



Reading

1 Read and correct

There's one mistake in each of the following sentences.
Underline the mistakes. Then correct them.

Example:

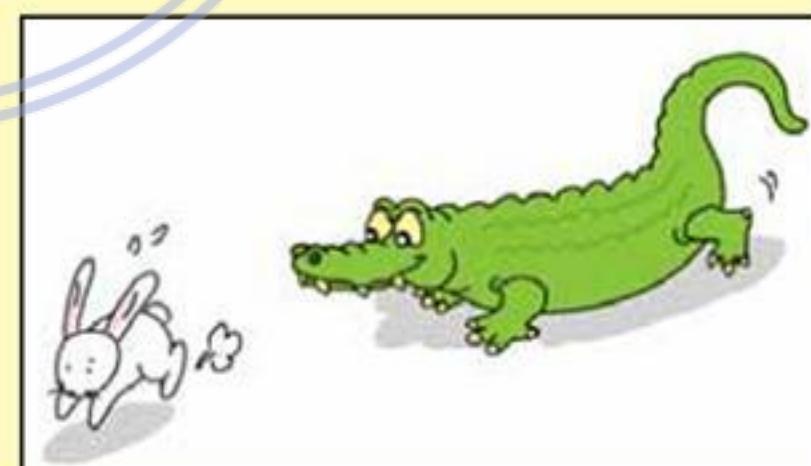
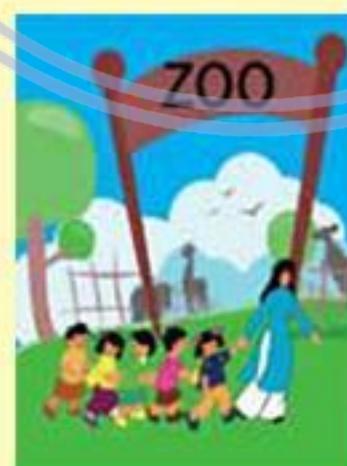
0. How you are? ⇒ are you
1. What animal is Linda like? ⇒
2. I want some book and a stamp. ⇒
3. Why do you want go to the bakery? ⇒
4. What is Peter and Tom wearing? ⇒
5. What she going to do? ⇒



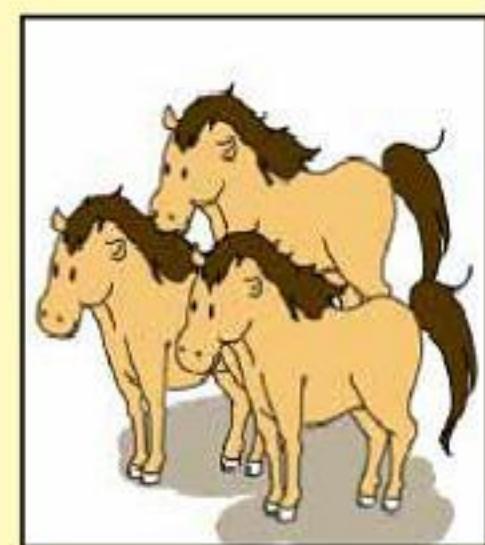
2 Look, read and correct

Look at the picture carefully. There are THREE mistakes in the text. Find and correct them.

Miss Hien and her class are going to the cinema. They are going to see many flowers, such as monkeys, elephants, bears, tigers, giraffes, crocodiles.... They are also going to buy some fruit and drinks. Mai and Nam are going to buy some



sausages and bread. Linda and Quan are going to buy some mineral water. They are going to have lunch together. They are going to have a happy time.

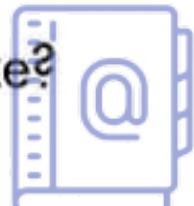


Listening

- 1 The following conversations are not in the right order.
Listen carefully and arrange them as what you hear.

Conversation 1:

- a. What can the animal do?
- b. What animal is it?
- c. It's strong and bulky.
- d. Oh, it's a bear.
- e. It can stand on two legs or catch a fish.
- f. What's the animal like?



Conversation 2:

downloadsachmienphi.com

- a. No, I don't. I like giraffes.
Download Sách Hay | Đọc Sách Online
- b. Because they are funny. Do you like monkeys?
- c. Why do you like giraffes?
- d. I like monkeys.
- e. Why do you like monkeys?
- f. Because they are pretty and very tall.

Speaking

Look at the pictures. Complete the following conversations and then read them aloud.

1. – What's the boy wearing?

– _____
 – _____?
 – _____



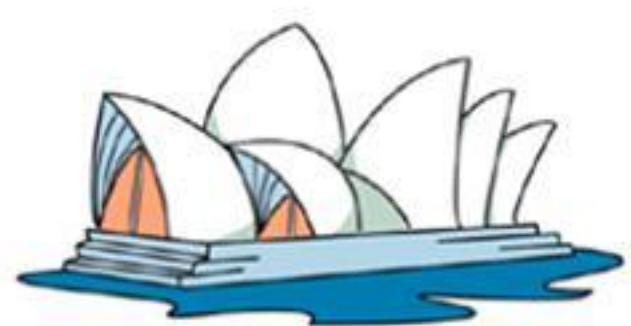
2. – What's the girl wearing?

– _____
 – _____?
 – _____



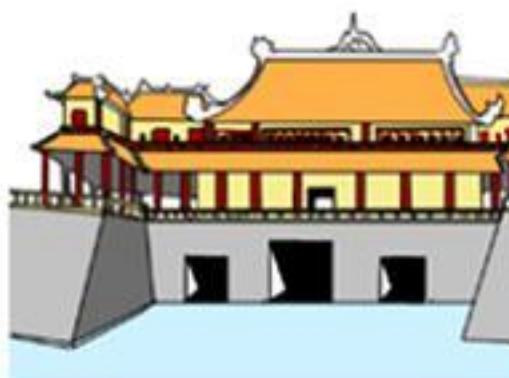
3. – Where did you go, Mai?

– _____
 – _____?
 – _____



4. – _____ ?

– _____
 – _____?
 – _____



Answer Key

UNIT 11**LESSON 1**

1. 1. twelve o'clock; 2. ten thirty;
3. nine fifty-five

2. a. What time is it?
e. It is nine fifteen.
b. What is it?
d. It is a book.
c. When is your birthday?
f. It is in July.

3. 1. Yes; 2. Yes; 3. No; 4. No; 5. No.

LESSON 2

1. 1. hungry; 2. six o'clock; 3. dinner;
4. school; 5. six fifty-five; 6. seven fifteen

2. 1. 1. a; 2. b; 3. a; 4. a; 5. b
2. 1. a; 2. b; 3. c; 4. a; 5. b

LESSON 3

1. 1. b; 2. c; 3. a; 4. a; 5. c
2. 1. At six o'clock.
2. At six forty-five.
3. At nine thirty-five.

UNIT 12**LESSON 1**

1. 1. c; 2. d; 3. a; 4. b

2. 1. b; 2. b; 3. a

3. 1. a; 2. a; 3. b

LESSON 2

1. 1. family; 2. grandfather; 3. a farmer;
4. a farmer; 5. thirty-seven;
6. a businessman; 7. mother;
8. a doctor; 9. a pupil; 10. nine.

2. 1. a; 2. b; 3. a; 4. a; 5. b
2. 1. a, 2. b, 3. c, 4. a, 5. b

LESSON 3

1. 1. Tim: doctor; doctor
Tony: driver; housewife
Peter: businessman, teacher
2. 1. Tim is in 5A.
2. Tony is nine years old.
3. No, they aren't.
2. 2. 1. She's a teacher. She works in a school.
2. He works in a company.
3. She's a housewife.

**UNIT 13**
LESSON 1

1. noodles; 2. milk; 3. chicken;

4. orange juice

2. a. What is your favourite food?

e. Rice and chicken.

b. What are your favourite drinks?

f. Lemonade and mineral water.

c. What is your favourite juice?

d. Orange juice.

3. 1. beef and noodles; 2. orange juice

3. chicken and pork; 4. milk

5. chicken; 6. lemonade

LESSON 2

1. Conversation 1:

1. Chicken; 2. chicken; 3. Lemonade;

4. Chicken; 5. lemonade

Conversation 2:

6. beef and noodles; 7. rice and fish;

8. water; 9. orange juice

2. 1. 1. b; 2. a; 3. a; 4. a; 5. a

2. 1. a; 2. a; 3. c; 4. b; 5. c

LESSON 3

1. 1. b; 2. a; 3. a; 4. a; 5. b
2. 1, 2, 3, 4. Yes, please./ No, thanks.

UNIT 14**LESSON 1**

1. 1. lovely; 2. friendly; 3. kind; 4. nice
2. 1. b; 2. c; 3. b
3. 1. a; 2. c; 3. a

LESSON 2

1. 1. nice; 2. tall; 3. slim; 4. English;
5. Maths; 6. friendly; 7. careful
2. 1. 1. b; 2. a; 3. a; 4. b; 5. a
2. 1. b; 2. a; 3. a; 4. c; 5. a

LESSON 3

1. 1. Father: kind; short
Mother: friendly; nice; short; sporty
Vy: friendly
2. 1. She's friendly.
2. He's kind.
3. She's very friendly and nice.
4. Vy's mother is shorter.

2. 1. She's friendly.
2. She looks sporty.
3. She's careful.

UNIT 15**LESSON 1**

1. 1. Christmas; 2. Tet; 3. Mid-Autumn Festival; 4. Children's Day
2. a. What is Christmas?
f. It's a big festival in December.

- b. What is Tet?
e. It's an important festival in Viet Nam.
c. What is Children's Day?
d. It's a festival for children.
3. 1. Yes; 2. No; 3. No; 4. Yes; 5. No

LESSON 2**1. Conversation 1:**

1. Christmas tree; 2. twenty-fourth of December; 3. presents;

Conversation 2:

4. children; 5. present

2. 1. 1.a; 2.b; 3. a; 4.a, 5.b
2. 1. b; 2. a; 3.a; 4. c; 5. b

LESSON 3

1. 1.a; 2. a; 3. a; 4. c; 5. a

2. 1. Mai and Nam are going to visit grandparents.
2. Quan is going to eat banh chung.
3. Quan is going to decorate his house.
4. Mai is going to get lucky money.

REVIEW 3**WRITING**

1. 1. e; 2. f; 3. c; 4. d; 5. b
2. 1. My teacher is very kind. b
2. What time does Mai go to bed? c
3. My favourite drink is orange juice. d
4. Mrs. Lan is a housewife. a

READING

1. 1. when => what
2. he => his
3. a => some
4. look => looks
5. am => is
2. 1. (My family and I) am => are
2. friend => friends
3. There's => There are

LISTENING

Conversation 1: 4, 2, 3, 1

Conversation 2: 3, 1, 2, 4

SPEAKING

1. - What's your mother's job?
- She's a doctor. What about your mother?
- She's a teacher.
2. - What's your father's job?
- He's a businessman. What about your father?
- He's a driver.
3. - What's your favourite food?
- Beef. How about you?
- Chicken. Do you like lemonade?
- No, I don't. I like milk.
4. What's your favourite food?
- Rice and fish. What/ How about you?

downloadsachmienphi.com

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](http://DownloadSachHay.Com)

LESSON 1

1. 1. monkey; 2. lion; 3. giraffe; 4. crocodile
2. 1. a; 2. a; 3. b; 4. a
3. 1. b; 2. a; 3. a

LESSON 2

1. 1. lovely; 2. horses; 3. eating;
4. two legs; 5. bulky; 6. stand on a ball;
7. fruit; 8. ears
2. 1. 1. a; 2. a; 3. a; 4. b; 5. a
2. 1. b; 2. a; 3. c; 4. a; 5. c

LESSON 3

1. 1. Nam: likes tigers; doesn't like giraffes
Tom: likes giraffes; doesn't like tigers
Mary: likes giraffes; doesn't like tigers
2. 1. Nam likes tigers because they are very strong; 2. Tom doesn't like tigers because they are scary;

3. Mary likes giraffes because they are pretty; 4. Nam doesn't like giraffes because they are not strong.

2. 1. It's a monkey.
2. It's an elephant.
3. It's a bear.

UNIT 17**LESSON1**

1. 1. supermarket; 2. cinema; 3. bookshop;
4. post office
2. d. Let's go to the post office.
a. Sorry, I am busy.
e. I want some books.
b. Let's go to the bookshop.
f. I want some food.
c. Let's go to the supermarket.
3. 1; 2; 3; 5; 6; 7; 8

LESSON 2

1. Conversation 1:
1. bookshop; 2. books

Conversation 2:

3. sad; 4. cinema

Conversation 3:

5. stamps; 6. post office
2. 1. 1. b; 2. b; 3. a; 4. a; 5. a
2. 1. a; 2. a; 3. c; 4. c; 5. a

LESSON 3

1. 1. a; 2. a; 3. c; 4. b; 5. a.
2. 1. Mai wants bread and chicken.
2. She goes to the bakery and the food stall.
3. Because he wants some stamps and some books.
4. They want some fruit and medicine.

UNIT 18**LESSON 1**

1. 1. b; 2. d; 3. a; 4. c
2. 1. b; 2. c; 3. a
3. 1. Yes; 2. No; 3. No; 4. No; 5. Yes

LESSON 2

1. 1. a pink skirt; 2. a white T-shirt;
 3. a green dress; 4. a blue T-shirt;
 5. blue jeans; 6. a red shirt;
 7. white shorts; 8. sandals
2. 1. 1. a; 2. a; 3. a; 4. b; 5. a
 2. 1. b; 2. a; 3. c; 4. a; 5. c

LESSON 3

1. 1. Tom: blue jeans; 90,000 dong
 2. Mary: yellow dress; 99,000 dong
 3. Tony: green T-shirt, 58,000 dong
 2. 1. blue; 2. yellow; 3. green
2. It's 75,000 dong.
 2. It's 43,000 dong.
 3. They are 99,000 dong.

UNIT 19**LESSON 1**

1. 1. take an umbrella; 2. take a camera; 3. buy some sweets;
 4. buy some hamburgers;
2. a. What's he going to do?
f. He's going to take a ball.
 - b. What's she going to buy?
e. She's going to buy some bread.
 - c. What's she going to do?
d. She's going to take a raincoat.
3. 1. Yes; 2. No; 3. No; 4. Yes; 5. Yes

LESSON 2

1. 1. play football; 2. some fruit;
 3. a comic book; 4. a camera;
 5. In the park;
 6. buy some hamburgers.
2. 1. 1. a; 2. b; 3. b; 4. a; 5. b
 2. 1. a; 2. a; 3. c; 4. c; 5. a

LESSON 3

1. 1. c; 2. a; 3. b; 4. b; 5. c
2. 1. He prefers fishing.
2. They prefer dancing.
3. He prefers flying a kite.

4. She prefers studying English.

UNIT 20**LESSON 1**

1. 1. b; 2. d; 3. c; 4. a
2. 1. a; 2. c; 3. a
3. 1. She went to Nha Trang city and Da Lat city; 2. Last week; 3. He went to Mekong Delta; 4. He went fishing and swimming in the river.

LESSON 2

1. 1. Mai; 2. nineteen; 3. Big Ben; 4. Liberty; 5. the Great Pyramid; 6. Sydney Opera House.

2. 1. b; 2. a; 3. a; 4. b; 5. a
2. 1. b; 2. a; 3. c; 4. a; 5. c

LESSON 3

1. 1. Quan: Hue Imperial City;
downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online
last month
2. Phong: Phong Nha caves;
Download Sách Hay | Đọc Sách Online
last month
3. Mary: Ben Thanh Market;
yesterday
2. 1. His trip was wonderful.
2. His trip was fantastic.
3. Her trip was not good.

2. 1. She went to London.
2. Last Monday.
3. He went to Sydney.
4. Last week.
5. She went to Ha Long Bay.
6. It was lovely.
7. He went to Ben Thanh Market.
8. It was busy.

REVIEW 4**WRITING**

1. 1. giraffe; 2. cinema; 3. trousers; 4. (buy a) hamburger; 5. Ha Long Bay

2. 1. Mai is wearing a green T-shirt and a yellow skirt. c
2. Which do you prefer, fishing or riding a bike? d
3. Let's go to the bookshop. b
4. Elephants can stand on a ball with four legs. a

READING

- | | |
|--------------|----------------|
| 1. is | => does |
| 2. book | => books |
| 3. want go | => want to go |
| 4. is | => are |
| 5. What she | => What is she |
| 2. 1. cinema | => zoo |
| 2. flowers | => animals |
| 3. fruit | => food |

LISTENING

Conversation 1: 1, 5, 4, 6, 2, 3

Conversation 2: 4, 3, 5, 1, 2, 6

SPEAKING

1. What's the boy wearing?
He's wearing a white T-shirt and blue jeans.
What's the girl wearing?
She's wearing a blue T-shirt, blue shoes and a yellow skirt.
2. What's the girl wearing?
She's wearing a yellow dress.
What are they wearing?
They are wearing white T-shirts and green shorts.
3. Where did you go, Mai?
I went to Sydney Opera House.
What was the trip like?
It was not boring.
4. Where did you go, Nam?
I went to Hue Imperial City.
What was the trip like?
It was fantastic.

Script

UNIT 11

LESSON 2

2. Listening

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

- 1. fifteen; 2 thirty; 3. fourteen;
- 4. sixteen; 5 seventy

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

- 1. five fifteen; 2. twelve thirty;
- 3. It's one fifty five.
- 4. He's very happy.
- 5. Peter has dinner at six forty.

LESSON 3

1. Listening

Listen and tick.

- 1. What time do you have breakfast, Linda?
At eight thirty. I have class at nine.
- 2. What time do you get up, Mai?
At five thirty.
Five thirty?
Yes, my family always do morning exercise.
- 3. I often watch TV at eight. How about you, Tom?
At eight, too. Then I go to bed at nine thirty.
- 4. I go to bed at nine. How about you, Tim?
Me, too. I go to bed at nine.
- 5. What time do you have lunch, Mai?
At eleven thirty. Then I go to school at twelve forty-five.

2. Speaking

1. Look at the pictures. Listen and answer.

- 1. What time does Mai get up?
- 2. What time does Mai have breakfast?
- 3. What time does Mai go to bed?

2. Listen again and write your answers.

- 1. What time does Mai get up?
- 2. What time does Mai have breakfast?
- 3. What time does Mai go to bed?

UNIT 12

LESSON 2

2. Listening

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

- 1. driver; 2. school; 3. dress;
- 4. chicken; 5. radio

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

- 1. get dressed;
- 2. a long blue river;
- 3. She's at Richard Primary School.
- 4. They are drivers.
- 5. He likes Disney channel so much.

LESSON 3

1. Listening

1. Listen and fill in each blank with NO MORE THAN THREE words.

Tom: Hi, Tim. What grade are you in?

Tim: I am in 5A.

Tom: What's your father's job?

Tim: He's a doctor.

Tom: And what's your mother's job?

Tim: She's a doctor, too.

Tom: Hi, Tony. Are you ten?

Tony: No. I'm nine years old and I'm in 4A.

Tom: What's your father's job?

Tony: He's a driver.

Tom: And what's your mother's job?

Tony: She's a housewife.

Tom: Hi, Are you Peter?

Peter: That's right. And I am in 5C.

Tom: What's your father's job?

Peter: He's a businessman.

Tom: And what's your mother's job?

Peter: She's a teacher.

2. Listen again and write the answers.

Tom: Hi, Tim. What grade are you in?

Tim: I am in 5A.

Tom: What's your father's job?

Tim: He's a doctor.

Tom: And what's your mother's job?

Tim: She's a doctor, too.

Tom: Hi, Tony. Are you ten?

Tony: No. I'm nine years old and I'm in 4A.

Tom: What's your father's job?

Tony: He's a driver.

Tom: And what's your mother's job?

Tony: She's a housewife.

Tom: Hi, Are you Peter?

Peter: That's right. And I am in 5C.

Tom: What's your father's job?

Peter: He's a businessman.

Tom: And what's your mother's job?

Peter: She's a teacher.

2. Speaking

1. Look at the pictures. Listen and answer.

- 1. What's her job? Where does she work?
- 2. Where does he work?
- 3. What's her job?

2. Listen again and write your answers.

- 1. What's her job? Where does she work?
- 2. Where does he work?
- 3. What's her job?

UNIT 13

LESSON 2

2. Listening

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

- 1. fresh; 2. wash; 3. milk; 4. bulk; 5. push

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

- 1. fresh food ; 2. wash your hand;
- 3. I like fish and chicken.
- 4. I love milk and tea.
- 5. Don't wash it.

LESSON 3**1. Listening**

Listen and tick.

1. What's your favourite food? - Fish.
2. What would you like to eat? - Bread and beef.
3. What's your favourite juice? - Orange juice.
4. Would you like some rice? - No, thanks.
5. Would you like some tea? - Yes, please. I love tea.

2. Speaking

1. Look at the picture. Listen and answer.

1. Would you like some noodles?
2. Would you like some chicken?
3. Would you like some tea?
4. Would you like some orange juice?

2. Listen again and write your answers.

1. Would you like some noodles?
2. Would you like some chicken?
3. Would you like some tea?
4. Would you like some orange juice?

UNIT 14**LESSON 2****2. Listening**

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

1. Petty; 2. friendly; 3. primary;
4. fancy; 5. from

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

1. Petty Burr;
2. friendly games;
3. I'm a pupil at Sao Mai Primary School.
4. We've got a fancy day.
5. Where are you from?

LESSON 3**1. Listening**

1. Listen and fill in each blank with NO MORE THAN THREE words.

- Tom: Vy, you are so friendly.
What's your father like?
Vy: Oh, he's very kind and he looks short.
Tom: How about your mother?
Vy: My mother is shorter than my father, but she looks sporty.

Tom: What's she like?

Vy: She's very friendly and nice.
She likes helping people.

2. Listen again and write the answers.

Tom: Vy, you are so friendly.

What's your father like?

Vy: Oh, he's very kind and he looks short.

Tom: How about your mother?

Vy: My mother is shorter than my father, but she looks sporty.

Tom: What's she like?

Vy: She's very friendly and nice.
She likes helping people.**2. Speaking**

1. Look at the pictures. Listen and answer.

1. A girl is chatting with her friend.
What's she like?

2. A girl is playing tennis. What does she look like?

3. A teacher is playing with her pupils at the zoo. What's she like?

2. Listen again and write your answers.

1. A girl is chatting with her friends.
What's she like?

2. A girl is playing tennis. What does she look like?

3. A teacher is playing with her pupils at the zoo. What's she like?

UNIT 15**LESSON 2****2. Listening**

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

1. festival; 2. food; 3. Tet; 4. two; 5. fan

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

1. a new factory; 2. favourite fish;
3. I like Tet.
4. There are twenty-two festivals this week.
5. She's got a fan.

LESSON 3**1. Listening**

Listen and tick.

1. What is Christmas? - It's a big festival.
2. What are you going to do for Mid-Autumn Festival? - I'm going to make lanterns.
3. What's coming? - Tet is coming.

4. What are they going to do for Christmas? - They are going to get some presents.

5. What are you doing with these lanterns? - I'm joining a parade.

2. Speaking

1. Look at the pictures. Listen and answer.

1. Who is going to visit grandparents for Tet?

2. Who is going to eat *banh chung* for Tet?

3. Who is going to decorate his house for Tet?

4. Who is going to get lucky money for Tet?

2. Listen again and write your answers.

1. Who is going to visit grandparents for Tet?

2. Who is going to eat *banh chung* for Tet?

3. Who is going to decorate his house for Tet?

4. Who is going to get lucky money for Tet?

REVIEW 3**LISTENING**

The following conversations are not in the right order. Listen carefully and arrange them as what you hear.

Conversation 1:

- What time do you get up, Peter?
- At six fifteen.
- And what time do you go to school?
- At eight.

Conversation 2:

- What's your mother like?
- She's pretty and friendly.
- What does she like?
- She likes music and *banh chung*.

UNIT 16**LESSON 2****2. Listening**

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

1. look; 2. let; 3. likes; 4. lucky; 5. honey

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

1. hook knitting; 2. play a let;
3. Giraffes like nice leaves.

4. Monkeys are funny.
5. Is this funny bear lucky?

LESSON 3**1. Listening**

1. Listen and fill in each blank with NO MORE THAN THREE words

Tom: What animal do you like, Nam?

Nam: I like tigers.

Tom: Why?

Nam: Because tigers are very strong.

Tom: But they are scary. I don't like tigers. Do you like tigers, Mary?

Mary: No, I don't. They are so scary. I like giraffes.

Tom: Why?

Mary: Because they are pretty. Do you like giraffes, Nam?

Nam: No, I don't.

Mary: Why not?

Nam: Because ... they are not strong. I just like tigers. How about you, Tom?

Tom: I like giraffes because they are tall and pretty.

2. Listen again and complete the sentences.

Tom: What animal do you like, Nam?

Nam: I like tigers.

Tom: Why?

Nam: Because tigers are very strong.

Tom: But they are scary. I don't like tigers. Do you like tigers, Mary?

Mary: No, I don't. They are so scary. I like giraffes.

Tom: Why?

Mary: Because they are pretty. Do you like giraffes, Nam?

Nam: No, I don't.

Mary: Why not?

Nam: Because ... they are not strong. I just like tigers. How about you, Tom?

Tom: I like giraffes because they are tall and pretty.

2. Speaking

1. Look at the pictures. Listen and answer.

1. That animal is eating a banana. It can swing. What animal is it?
2. That animal is playing football. It can stand on only one leg. What animal is it?

3. That animal is eating honey. It can climb a tree or catch a fish. What animal is it?

2. Listen again and write down your answers.

1. That animal is eating a banana. It can swing. What animal is it?

2. That animal is playing football. It can stand on only one leg. What animal is it?

3. That animal is eating honey. It can climb a tree or catch a fish. What animal is it?

UNIT 17**LESSON 2****2. Listening**

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

1. lamps; 2. tusks; 3. shops;
4. books; 5. caps

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

1. some stamps; 2. many trucks;
3. She gets some tops at some shops.
4. I don't want books or hooks.
5. We go to the shop to get some caps.

LESSON 3**1. Listening**

1. Listen and tick.

1. Why do you go to the bookshop?
Because I want some maps.

2. Let's go to the post office.

- Great. I want some stamps too.

3. Why do they go to the food stall?

- Because they want some fried chicken.

4. Let's go to the zoo.

- Sorry, I'm very busy.

5. Why do you go to the supermarket?

- Because my mother wants some fruit.

2. Speaking

1. Look at the pictures. Listen and answer.

1. What does Mai want?

2. Where does Mai go to?

3. Why does Quan go to the bookshop?

4. What do Nam and Linda want?

2. Listen again and write your answers.

1. What does Mai want?

2. Where does Mai go to?

3. Why does Quan go to the bookshop?

4. What do Nam and Linda want?

UNIT 18**LESSON 2****2. Listening**

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

1. jeans; 2. meat; 3. green;
4. clean; 5. tea

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

1. means of travelling; 2. good meat;
3. The shoes are green.
4. I like some beans.
5. See the tea in the sea.

LESSON 3**1. Listening**

1. Listen and fill in each blank with NO MORE THAN THREE words

1. Tom: Excuse me!

Salesgirl: Yes?

Tom: How much are these blue jeans?

Salesgirl: They are 90,000 dong.

Tom: Can I have a look?

Salesgirl: Sure. Here you are.

Tom: Thank you.

2. Mary: Excuse me!

Salesgirl: Yes?

Mary: How much is that dress?

Salesgirl: Which one?

Mary: The yellow one.

Salesgirl: It's 99,000 dong.

Mary: I'll buy it.

Salesgirl: Here you are.

Mary: Thank you.

3. Tony: Excuse me!

Salesgirl: Yes?

Tony: How much is this green T-shirt?

Salesgirl: It's 58,000 dong.

Tony: Can I have a look?

Salesgirl: Sure. Here you are.

Tony: Thank you.

2. Listen again and write the answers.

2. Speaking

1. Look at the pictures. Listen and answer.

1. How much is the skirt?

2. How much is the T-shirt? The blue one.

3. How much are the shoes?

2. Listen again and write your answers.

1. How much is the skirt?
2. How much is the T-shirt? The blue one.
3. How much are the shoes?

UNIT 19

LESSON2

2. Listening

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

1. what; 2. woman; 3. white;
4. we; 5. whale

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

1. what or which;
2. mineral water;
3. Why does he buy that white shirt?
4. We want to go swimming.
5. When are you going to swim with a whale?

LESSON3

1. Listening

Listen and tick.

1. Which do you prefer, football or volleyball? – I prefer volleyball.
2. Which do you prefer, singing or dancing? – I prefer singing.
3. Which do you prefer, fishing or swimming? – I prefer swimming.
4. Which does she prefer, badminton or table tennis? – She prefers badminton.
5. Why do you prefer having a picnic this Sunday? – Because we can play sports and have lunch together.

2. Speaking

1. Look at the pictures. Listen and answer.

1. Which does Tom prefer, fishing or riding a bike?
2. Which do Mai and Tony prefer, reading a comic book or dancing?
3. Which does Quan prefer, watching TV or flying a kite?
4. Which does Mary prefer, studying English or practicing the piano?

2. Listen again and write your answers.

1. Which does Tom prefer, fishing or riding a bike?
2. Which do Mai and Tony prefer, reading a comic book or dancing?
3. Which does Quan prefer, watching TV or flying a kite?

4. Which does Mary prefer, studying English or practicing the piano?

UNIT 20

LESSON 2

2. Listening

1. Listen and tick. Then write the words on the lines.

1. day; 2. song; 3. holiday;
4. wrong; 5. Sunday

2. Listen and tick. Then listen again and repeat.

1. a wonderful day;
2. sing a song;
3. We had a holiday on Wednesday.
4. You are so strong.
5. Where did Mr. Monday go last Sunday?

LESSON3

1. Listening

1. Listen and fill in each blank with NO MORE THAN THREE words.

Vy: Where did you go last week, Quan?
Quan: Oh, I went to Hue Imperial City. It was wonderful.

Vy: Where did you go last month, Phong?

Phong: I went to Phong Nha caves.

Vy: What was your trip like?

Phong: Fantastic!

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Vy: Where did you go yesterday, Mary?

Mary: I went to Ben Thanh Market.

Vy: What was your trip like?

Mary: Oh, it was not good. The street was too busy.

2. Listen again and write your answers.

Vy: Where did you go last week, Quan?
Quan: Oh, I went to Hue Imperial City. It was wonderful.

Vy: Where did you go last month, Phong?

Phong: I went to Phong Nha caves.

Vy: What was your trip like?

Phong: Fantastic!

Vy: Where did you go yesterday, Mary?

Mary: I went to Ben Thanh Market.

Vy: What was your trip like?

Mary: Oh, it was not good. The street was too busy.

Speaking

1. Look at the pictures. Listen and answer.

1. Where did Mai go? 2. When did she come back from London?
3. Where did Nam go? 4. When did he come back from Sydney?
5. Where did Linda go? 6. What was Ha Long Bay like?
7. Where did Tom go? 8. What was Ben Thanh Market like?

2. Listen again and write your answers.

1. Where did Mai go? 2. When did she come back from London?
3. Where did Nam go? 4. When did he come back from Sydney?
5. Where did Linda go? 6. What was Ha Long Bay like?
7. Where did Tom go? 8. What was Ben Thanh Market like?

REVIEW 4

LISTENING

The following conversations are not in the right order. Listen carefully and arrange them as what you hear.

Conversation 1:

- What can the animal do?
- It can stand on two legs or catch a fish.
- What's the animal like?
- It's strong and bulky.
- What animal is it?
- Oh, it's a bear.

Conversation 2:

- I like monkeys.
- Why do you like monkeys?
- Because they are funny. Do you like monkeys?
- No, I don't. I like giraffes.
- Why do you like giraffes?
- Because they are pretty and very tall.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
UNIT 11 My Daily Activities	4
UNIT 12 Jobs	10
UNIT 13 Favourite Food and Drink	16
UNIT 14 My mother	22
UNIT 15 Festivals	28
REVIEW 3	34
UNIT 16 Zoo Animals	38
UNIT 17 My Area	44
UNIT 18 My Clothes	50
UNIT 19 A Picnic	56
UNIT 20 Travelling	62
REVIEW 4	68
Answer Key	72
Script	75
Mục Lục	...



Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Chủ trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGƯT NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập GS.TS VŨ VĂN HÙNG



Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Tổng biên tập PHAN XUÂN KHÁNH
Phó Giám đốc phụ trách Công ty CP dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định TRẦN THỊ KIM NHUNG

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

Biên tập lần đầu: HUỲNH KIM NGÂN

Biên tập tái bản: HUỲNH LÊ ÁI NHI

Trình bày bìa và minh họa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: XUÂN PHƯƠNG

Chép bản: ANH TÚ

Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định -
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

THỰC HÀNH TIẾNG ANH 4 - TẬP 2